

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm mạnh trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng, chứng khoán và bất động sản với thanh khoản tăng.

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở.

[Thông tin doanh nghiệp]

VGC, PVS

[Cập nhật công ty]

CTG

[Quan điểm đầu tư]

Với xu hướng giảm điểm chủ đạo trong trung hạn, đi ngang trong ngắn hạn, NĐT được khuyến nghị chỉ tham gia trading với 1 tỷ trọng thấp, kê mua khi giá cổ phiếu điều chỉnh về lại hỗ trợ và tránh mua đuổi trong các nhịp tăng vượt đỉnh.

29/05/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,074.98	+1.05
VN30	1,069.77	+0.84
HĐTL VN30F1M	1,068.00	+1.09
HNXIndex	220.31	+1.23
HNX30	413.84	+1.99
UPCoM	81.13	+0.68
USD/VND	23,471	-0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.19	+2
Lãi suất qua đêm (%)	3.91	-9
Dầu (WTI, \$)	73.02	+0.48
Vàng (LME, \$)	1,945.10	-0.07



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,074.98 (+1.05%)
KLGD (triệu CP) 738.5 (+26.5%)
GTGD (triệu US\$) 587.5 (+26.7%)

TTCK Việt Nam tăng điểm mạnh trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngân hàng, chứng khoán và bất động sản với thanh khoản tăng. Khối ngoại mua ròng, tập trung tại KBC (+4.3%), STB (+1.8%), BID (+1.1%).

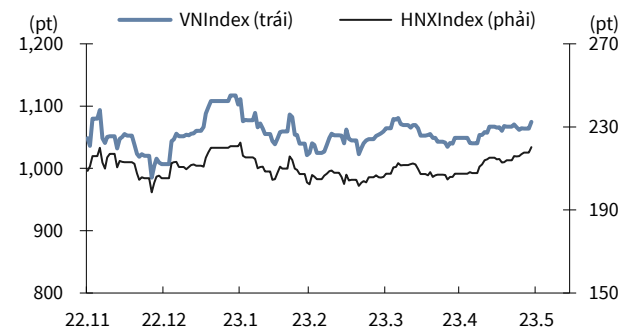
HNXIndex 220.31 (+1.23%)
KLGD (triệu CP) 127.8 (+47.7%)
GTGD (triệu US\$) 76.2 (+50.2%)

Theo Tổng cục Thống kê, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 5/2023 ước đạt 519 ngàn tỷ đồng, tăng 1.5% so với tháng trước và tăng 11.5% so với cùng kỳ năm trước. Giá cổ phiếu nhóm Bán lẻ tăng giá ở DWG (+3.02%), MWG (+1.31%).

UPCoM 81.13 (+0.68%)
KLGD (triệu CP) 61.4 (-34.5%)
GTGD (triệu US\$) 24.3 (-29.3%)

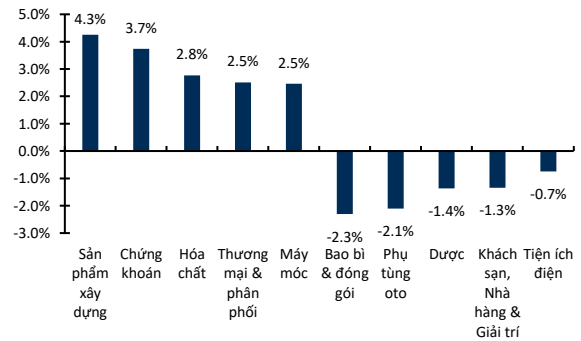
Theo GSO, sản lượng thủy sản tháng 5/2023 ước đạt 783.3 nghìn tấn, tăng 2.1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 421 nghìn tấn, tăng 2.5% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 362.3 nghìn tấn, tăng 1.8%. Giá cổ phiếu nhóm Thủy sản tăng giá ở IDI (+6.96), ANV (+3.29%).

VNIndex & HNXIndex



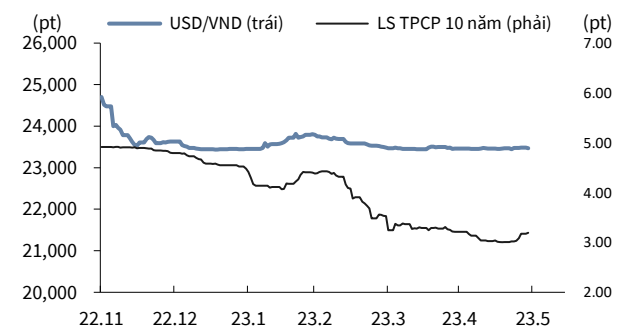
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

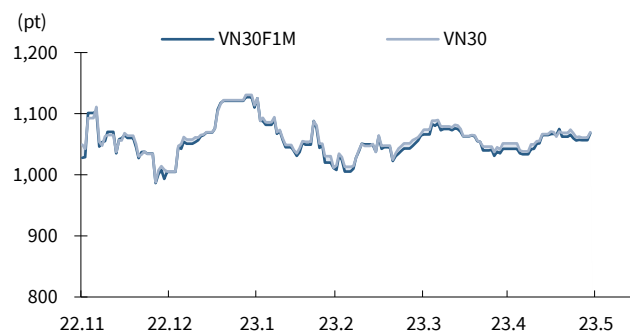
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,069.77 (+0.84%)
VN30F1M	1,068.0 (+1.09%)
Mở cửa	1,059.9
Cao nhất	1,068.5
Thấp nhất	1,059.3

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2306 và VN30 tại thời điểm mở cửa ở mức -0.21 điểm, sau đó biến động trong biên độ âm quanh mức -4 điểm và đóng cửa tại -1.77 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

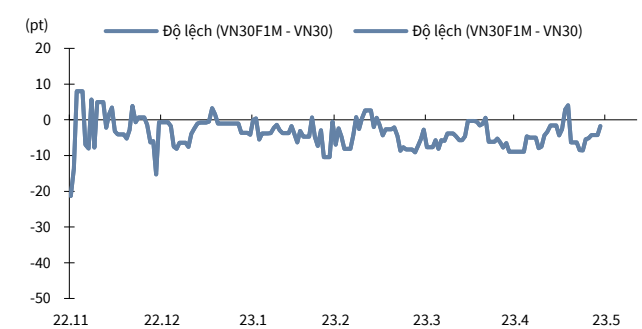
KLGD (HĐ) **130,033 (+7.2%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



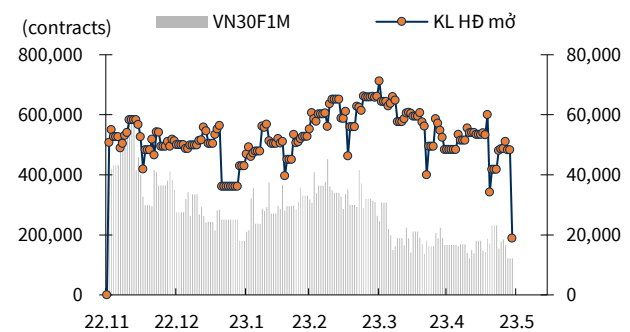
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



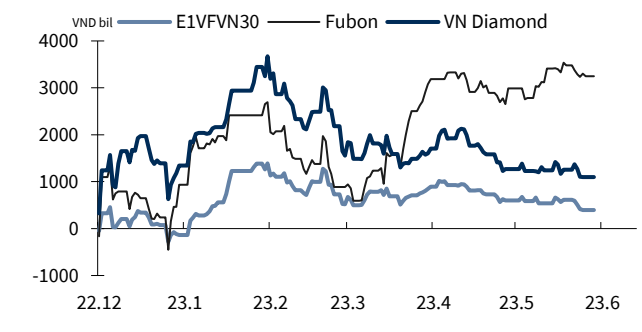
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

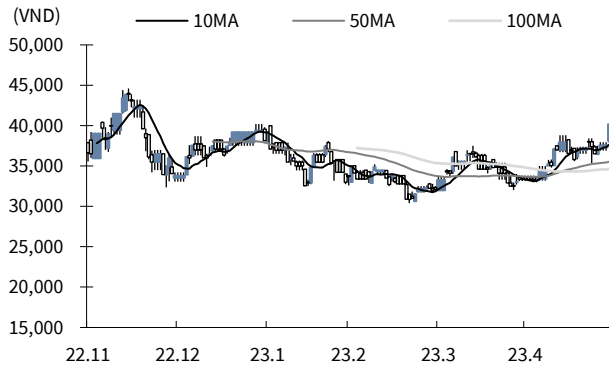
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Tổng Công ty Viglacera - CTCP (VGC)

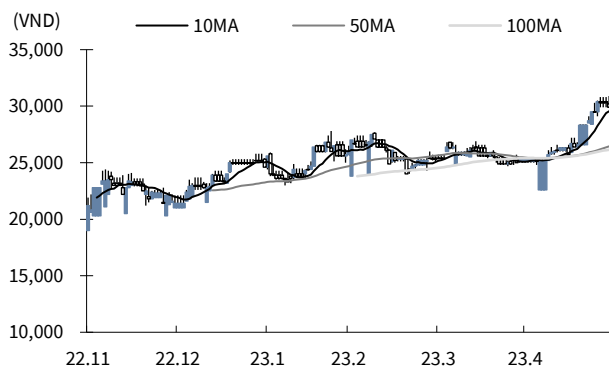


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VCG tăng 6.91% lên 40,200VND/cp

- Tổng Công ty Viglacera - CTCP vừa có thư mời báo giá liên quan đến phương án chuyển nhượng vốn Nhà nước. Theo thông báo, VGC đang trong giai đoạn xây dựng và xem xét các đề xuất phương án chào bán cũng như tiêu chí nhà đầu tư. Công ty sắp tới cũng sẽ tổ chức các buổi giới thiệu liên quan đến đợt chào bán này. Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2022 là 14,136 tỷ đồng. Thời gian thẩm định giá dự vào ngày 30/6/2023.

Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PVS)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PVS giảm 1.32% xuống 29,900VND/cp

- CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam cho biết hiện tại ngoài thị trường Đà Loan, công ty đã tham gia đấu thầu và trúng các gói thầu cho mảng điện gió ngoài khơi của các nhà đầu tư ở Hàn Quốc, châu Âu, Nhật Bản, Mỹ và cũng đang nhắm tới khu vực tiềm năng là châu Úc. Do các dự án triển khai là rất lớn nên thời gian tới công ty sẽ cần nguồn vốn lớn. PVS đặt kế hoạch đầu tư trong năm nay là 1,800 tỷ đồng cho công ty mẹ, gấp 7 lần thực hiện năm ngoái.

VietinBank (CTG)

Kỳ vọng tăng trưởng tín dụng cải thiện trong 2H2023

Chuyên viên phân tích Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

1Q2023, LNTT đạt 5,980 tỷ VND, tăng 2.7% YoY

1Q2023, CTG có thu nhập lãi thuần đạt 12,666 tỷ VND (-1.4% QoQ, +24.8% YoY); Chi phí trích lập dự phòng ở mức tương đối cao do chất lượng tài sản có chiều hướng đi xuống khiến LNTT đạt 5,980 tỷ VND (+11.8% QoQ, +2.7% YoY).

Tăng trưởng tín dụng kỳ vọng được cải thiện trong 2H2023

KBSV kỳ vọng tăng trưởng tín dụng sẽ có những sự cải thiện trong 2H2023 dựa trên: (1) Các động thái giảm lãi suất điều hành để kéo nền lãi suất cho vay xuống thấp, qua đó cải thiện nhu cầu tín dụng. (2) Thanh khoản được đảm bảo dù tăng trưởng huy động khách hàng vẫn ở mức thấp nhờ các động thái bơm ròng của NHNN qua kênh OMO.

Kỳ vọng NIM được cải thiện nhẹ trong 2H2023

KBSV kỳ vọng NIM của CTG sẽ có sự cải thiện nhẹ trong 2H2023 dựa trên động thái giảm lãi suất điều hành của NHNN giúp giảm chi phí đầu vào bình quân trong khi biến động lãi suất đầu ra sẽ có độ trễ hơn cũng như lãi suất cho vay cần được điều chỉnh phù hợp với mức độ rủi ro của từng khoản vay.

Áp lực trích lập nợ xấu sẽ gia tăng trong 2H2023 nhưng thấp hơn so với toàn ngành

Áp lực trích lập dự kiến tiếp tục duy trì ở mức cao trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều biến động khó lường. Tuy nhiên, mức độ trích lập của CTG sẽ thấp hơn tương đối so với các ngân hàng khác nhờ bộ đệm dự phòng vẫn đang ở mức tốt.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 32,500 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu CTG. Giá mục tiêu cho năm 2023 là 32,500VND/cp, cao hơn 10.1% so với giá tại ngày 25/05/2023.

MUA thay đổi

Giá mục tiêu	VND32,500
Tăng/Giảm	17.8%
Giá hiện tại (25/05/2023)	VND27,600
Giá mục tiêu thị trường	VND33,383
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	132,639

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2021	2022	2023F	2024F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	41,788	47,792	51,721	57,576
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	35,971	45,109	48,433	54,202
LNST (tỷ VND)	14,215	16,835	17,272	20,047
EPS (VND)	2,932	3,491	3,582	4,159
Tăng trưởng EPS (%)	-20%	19%	3%	16%
PER (x)	5.9	5.0	4.8	4.2
Giá trị số sách/CP (BVPS)	19,487	22,508	25,290	28,649
PBR (x)	0.89	0.77	0.68	0.60
ROE (%)	15.9%	16.7%	15.0%	15.5%

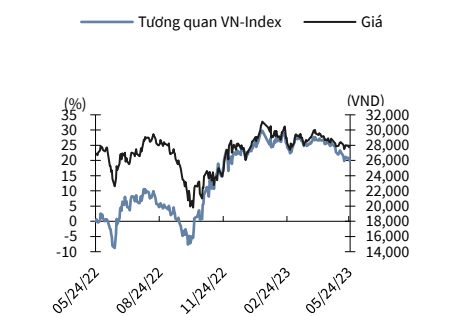
Nguồn: Fiinpro, KBSV

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	15.81%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	76/3.2
Sở hữu nước ngoài (%)	27.55%
Cơ cấu cổ đông	Ngân hàng nhà nước (64.46%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-3	-1	12	6
Tương đối	-6	-3	0	20



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

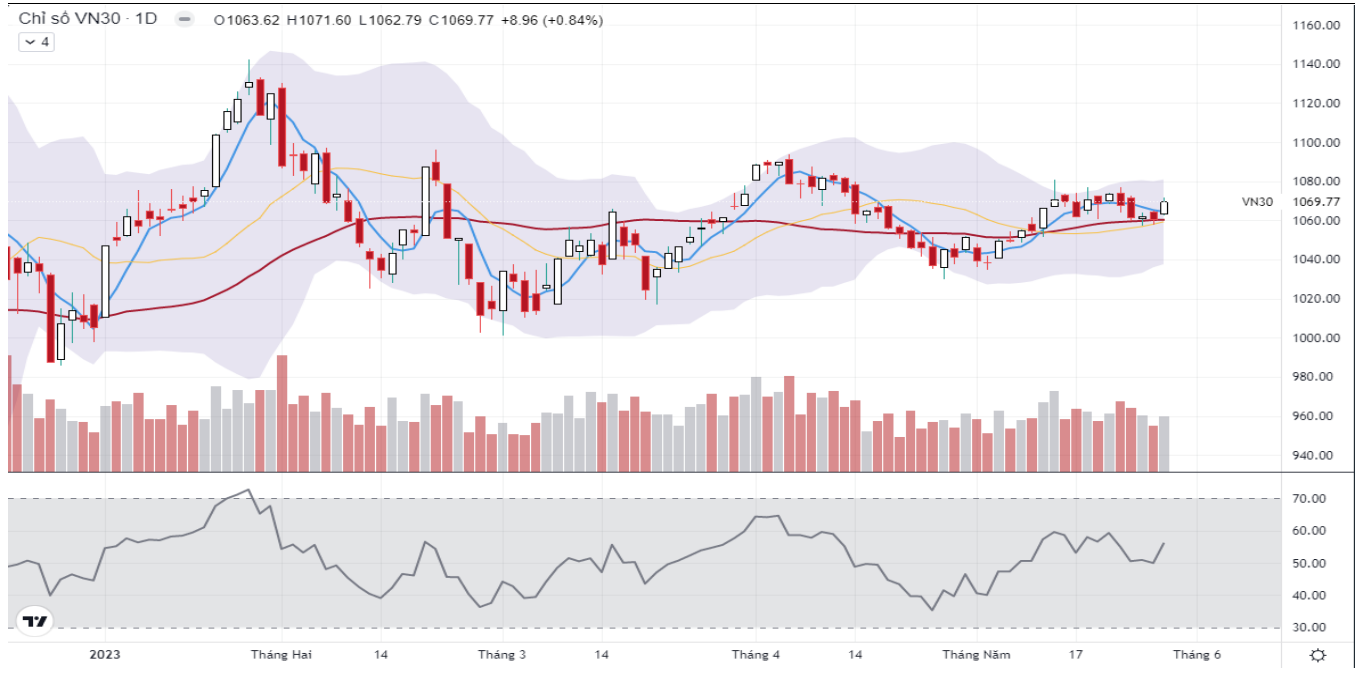
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm với biên độ mở rộng trong phiên trước khi đánh mất một phần thành quả đạt được về cuối phiên.
- Lực mua chủ động gia tăng áp đảo bên bán đã giúp cho chỉ số có một phiên tăng điểm hưng phấn cùng thanh khoản cải thiện. Mặc dù cơ hội mở rộng đà tăng điểm tích cực vẫn đang để ngỏ, VNIndex nhiều khả năng sẽ sớm gặp áp lực rung lắc trở lại quanh ngưỡng cản đáng lưu ý 1080, tương ứng với MA200.
- Với xu hướng giảm điểm chủ đạo trong trung hạn, đi ngang trong ngắn hạn, NĐT được khuyến nghị chỉ tham gia trading với 1 tỷ trọng thấp, kê mua khi giá cổ phiếu điều chỉnh về lại hỗ trợ và tránh mua đuổi trong các nhịp tăng vượt đỉnh.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1078 - 1080

Kháng cự gần: 1071 - 1074

Hỗ trợ gần: 1062 - 1064

Hỗ trợ xa: 1057 - 1059

— F1 trải qua một nhịp tăng điểm với biên độ mở rộng về cuối phiên

— Lực mua chủ động gia tăng áp đảo bên bán đã giúp cho chỉ số có một phiên tăng điểm hưng phấn cùng thanh khoản có phần cải thiện. Mặc dù cơ hội mở rộng đà tăng điểm tích cực vẫn đang để ngỏ, VNIndex nhiều khả năng sẽ sớm gặp áp lực rung lắc trở lại quanh ngưỡng cản đáng lưu ý 1070-1075.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở SHORT quanh các ngưỡng kháng cự nhưng đặt STOP chặt.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

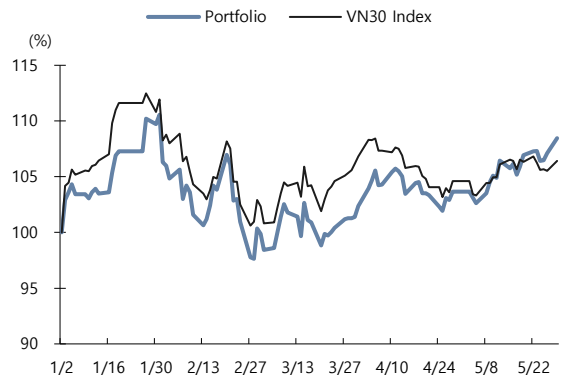
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luân duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.84%	1.27%
Tăng lũy kế (YTD)	6.42%	8.47%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 29/05/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	38,700	1.3%	0.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	23,400	3.8%	11.7%	- Tiếp tục giữ vị trí dự nợ cho vay kỷ quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	71,400	-0.8%	24.2%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	24,300	2.7%	-0.8%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	19,100	-1.0%	11.7%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	83,100	0.0%	242.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	28,000	0.7%	48.1%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	93,800	0.1%	27.8%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phát Group (HPG)	04/12/2019	21,450	1.7%	92.6%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	28,150	4.3%	174.0%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
KBC	4.3%	18.7%	57.1
STB	1.8%	25.6%	50.7
BID	1.2%	17.2%	41.3
SSI	3.8%	43.4%	37.1
VND	6.9%	21.7%	31.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
CTG	0.7%	27.5%	-62.4
DPM	-0.5%	15.8%	-25.4
VPB	1.0%	17.5%	-19.8
NVL	0.8%	5.8%	-15.4
MSN	-0.6%	30.1%	-10.6

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
CAN	1.3%	19.7%	10.7
IDC	1.5%	1.1%	2.7
PVG	7.0%	4.2%	1.9
CEO	1.9%	4.5%	0.3
VNR	0.4%	27.2%	0.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-1.3%	20.7%	-2.1
BVS	3.1%	7.0%	-0.9
NVB	-2.3%	8.7%	-0.7
PLC	0.3%	1.1%	-0.6
VCS	0.7%	2.8%	-0.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	4.7%	GVR, DGC, DPM, DCM
Máy móc	4.3%	TCH, HHS, SRF, SHA
Sản phẩm xây dựng	4.3%	VGC, BMP, SHI, DAG
Chứng khoán	3.7%	SSI, VND, HCM, VCI
Cung cấp và dịch vụ thương mại	2.3%	TLG, ILB, APC, ST8

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phụ tùng oto	-4.1%	DRC, CSM, PAC, TNC
Đồ uống	-3.3%	SAB, BHN, SMB, SCD
Kim loại & khai thác	-1.9%	HPG, HSG, NKG, KSB
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-1.2%	AST, VNG, DSN, DAH
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-1.2%	TNH, JVC, VMD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tiện ích điện	20.8%	PGV, NT2, PPC, TTA
Máy móc	19.3%	TCH, HHS, SRF, SHA
Thương mại & phân phối	13.8%	VPG, TSC, BTT, TNA
Sản phẩm xây dựng	12.9%	VGC, BMP, SHI, DAG
Chứng khoán	12.4%	SSI, VND, HCM, VCI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ uống	-9.0%	SAB, BHN, SMB, SCD
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-5.1%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Phụ tùng oto	-3.5%	DRC, CSM, PAC, TNC
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-3.4%	TNH, JVC, VMD
Bảo hiểm	-3.0%	BVH, MIG, BIC, BMI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	94,813 (4.0)	22.5	71.1	65.0	14.7	2.5	2.7	1.8	1.8	1.3	1.2	1.2	-2.0
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	80,082 (3.4)	26.6	8.2	7.6	35.9	18.6	17.2	1.4	1.2	0.9	2.6	12.1	15.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	78,084 (3.3)	17.8	16.1	14.4	-7.6	10.8	11.9	1.7	1.6	0.0	-0.7	0.0	5.3
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	227,518 (9.7)	31.3	5.5	3.9	6.7	6.5	-3.4	0.7	0.7	0.8	-2.2	-8.7	-6.8
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	51,850 (2.2)	11.6	27.2	18.4	13.7	7.1	9.7	-	-	0.5	1.2	0.5	13.0
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	251,678 (10.7)	13.9	35.6	38.3	-	3.3	2.6	1.0	1.1	1.0	2.5	8.1	14.5
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	57,796 (2.5)	6.3	13.0	11.3	11.7	22.9	20.8	2.5	2.1	1.2	0.0	2.9	16.4
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	26,747 (1.1)	12.7	11.5	9.5	-5.3	20.3	20.4	1.9	1.6	1.2	-1.1	0.9	13.7
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	104,114 (4.4)	0.0	5.2	4.5	14.3	16.8	16.2	0.8	0.7	1.0	-1.0	2.4	16.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	100,959 (4.3)	1.4	7.7	6.4	50.3	16.4	17.9	1.1	1.0	0.7	0.2	-2.9	2.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	155,321 (6.6)	0.0	8.8	6.8	18.8	13.3	13.9	1.1	0.9	1.0	-1.8	-2.8	8.1
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	124,050 (5.3)	0.0	4.6	3.9	14.6	22.2	20.7	0.9	0.7	1.6	-0.5	1.6	9.6
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	31,694 (1.4)	4.2	3.8	4.7	23.3	29.5	19.0	-	-	1.6	-3.3	0.0	17.9
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	440,737 (18.8)	14.0	7.4	4.3	26.5	19.4	25.1	1.1	0.9	1.8	-1.6	9.5	23.1
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	70,924 (3.0)	0.0	6.3	5.5	37.4	20.6	20.5	1.1	0.9	2.7	2.1	2.1	15.4
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	48,461 (2.1)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	3.6	3.3	7.1	-13.1
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	23,100 (1.0)	21.0	13.8	12.3	15.8	11.1	11.6	1.5	1.4	0.9	0.3	-2.1	-5.7
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	7,802 (0.3)	14.2	-	-	9.1	13.7	-	-	-	0.4	-0.8	4.2	10.7
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	428,744 (18.3)	55.4	22.4	18.4	-3.2	7.3	8.9	1.6	-	3.8	2.2	8.6	32.2
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	166,513 (7.1)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	2.9	2.3	10.1	50.5
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	129,238 (5.5)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	3.0	3.8	9.0	36.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	399,293 (17.0)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	6.9	5.2	14.4	26.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	102,205 (4.4)	42.1	16.0	14.8	4.0	29.0	30.6	4.0	3.9	0.0	-1.6	-4.1	-11.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	17,331 (0.7)	36.9	18.8	17.1	7.3	21.3	21.6	3.8	3.4	-0.1	-3.4	-9.7	-7.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	58,933 (2.5)	16.5	32.7	16.3	-51.9	9.7	16.0	3.6	2.9	-0.6	-0.6	-2.1	-23.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	19,197 (0.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.8	4.0	4.3	-6.7
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	62,606 (2.7)	11.0	86.0	46.7	-88.5	5.9	11.2	-	-	1.4	0.3	2.6	-9.1
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	32,301 (1.4)	10.8	12.0	15.8	-57.0	22.4	12.0	1.8	1.7	0.4	0.2	-5.3	9.7
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	119,916 (5.1)	38.4	14.1	11.4	65.7	2.4	3.8	0.8	0.9	1.4	9.0	21.5	36.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	210,866 (9.0)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	3.0	6.6	17.5	24.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	36,319 (1.5)	3.6	-	-	-52.4	-	-	-	-	-0.5	0.5	8.0	93.6
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	28,561 (1.2)	0.0	10.5	9.6	-4.5	15.9	15.3	1.5	1.4	0.0	1.5	6.4	-1.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	35,263 (1.5)	46.1	15.6	15.5	-17.5	19.0	18.2	2.9	2.8	0.1	-1.0	1.1	-7.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	22,082 (0.9)	31.4	13.5	13.1	-10.5	15.5	16.0	2.1	2.1	-0.2	-0.8	4.1	13.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,810 (0.1)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	0.0	-1.6	0.0	21.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	373,855 (15.9)	18.0	14.0	10.1	21.9	9.3	12.1	1.2	1.1	1.7	-2.1	-0.9	19.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	59,395 (2.5)	36.5	7.7	9.4	-0.5	13.8	11.4	0.9	0.8	-0.5	0.2	-6.7	-27.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	50,716 (2.2)	46.5	10.5	9.2	-4.5	12.6	13.3	1.1	1.1	0.6	1.1	0.2	-10.4
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	202,960 (8.7)	38.9	32.5	10.5	67.9	-0.7	7.4	0.8	0.8	2.3	-2.8	1.3	35.9
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	63,273 (2.7)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.4	1.8	5.2	61.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	24,974 (1.1)	4.6	16.7	1.4	-51.0	11.2	37.8	1.9	0.7	0.7	0.4	1.2	19.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	134,632 (5.7)	39.9	19.1	12.7	-11.9	5.1	7.7	0.9	0.8	-0.6	0.4	13.1	32.8
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	59,492 (2.5)	35.9	8.1	7.0	2.2	13.8	14.3	1.0	0.9	1.0	1.9	3.9	-3.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	64,751 (2.8)	0.0	19.7	10.8	14.4	11.1	18.3	2.2	1.9	1.3	0.4	-1.3	-9.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	22,850 (1.0)	0.0	13.1	10.8	2.4	20.9	22.1	2.4	2.1	-0.8	-1.0	-7.3	-20.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,249 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	2.5	8.9	19.6	36.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	29,142 (1.2)	30.3	42.7	17.7	-75.2	-	14.1	3.2	2.7	0.3	0.3	-0.9	-8.4
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	26,849 (1.1)	34.6	10.6	10.6	41.2	17.6	15.8	1.8	1.5	0.0	6.1	11.5	16.8
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	6,581 (0.3)	45.4	11.5	10.6	10.7	25.6	24.6	2.9	2.5	-2.7	-1.4	3.0	28.4
IT	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	63,475 (2.7)	0.0	15.3	12.6	15.5	26.9	27.4	3.8	3.3	0.0	0.7	7.2	8.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên phân tích cao cấp
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích
huynd1@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Dầu khí & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannnd@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

